

QUAN HỆ VIỆT NAM - CỘNG HÒA PHÁP TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

PGS.TS Ngô Minh Oanh

Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Trong bối cảnh thế giới toàn cầu hóa một cách rộng lớn và sâu sắc hiện nay, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế nhằm phục vụ chiến lược phát triển quốc gia đã trở thành một xu thế không cưỡng lại và là một nhu cầu tất yếu của nhiều nước trên thế giới. Đây mạnh mối quan hệ Việt Nam với Cộng hòa Pháp là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta, có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng. Tăng cường mối quan hệ này không chỉ vì Việt Nam và Cộng hòa Pháp đã có mối quan hệ lâu dài trong lịch sử mà còn do những yếu tố quốc tế, khu vực và lợi ích thiết thân của mỗi nước.

Cộng hòa Pháp là một cường quốc hàng đầu về kinh tế, tài chính, khoa học công nghệ ở châu Âu cũng như trên thế giới. Pháp còn là một trong những nước có vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển của Liên minh Châu Âu, và là một trong những trụ cột hiện nay liên minh này. Trong những năm gần đây, quan hệ Việt - Pháp, đặc biệt là quan hệ kinh tế đang có bước phát triển vượt bậc với nhiều hứa hẹn. Pháp đang là nước đứng đầu châu Âu trong lĩnh vực đầu tư vào Việt Nam với hàng trăm dự án. Vì vậy việc mở rộng và tăng cường mối quan hệ toàn diện Việt Nam – Cộng hòa Pháp không chỉ là tranh thủ những lợi thế củ mỗi quan hệ truyền thống trước đây để phát triển mà còn mở cánh cửa để Việt Nam thâm nhập vào Liên minh Châu Âu, mở rộng và phát triển các quan hệ song phương và đa phương với các nước thành viên trong tổ chức này.

Tuy nhiên trong mối quan hệ này, lợi thế không chỉ một chiều thuộc về Pháp, mà Việt Nam cũng hội đủ thực lực để thu hút sự quan tâm của Cộng hòa Pháp, hai nước cùng dẫn dắt mối quan hệ Việt – Pháp ngày càng tiến triển. Việt Nam là một thị trường rộng lớn với hơn tám mươi triệu dân, là một thị trường “không xa lạ” với Pháp, lại có nguồn nhân lực dồi dào, môi trường đầu tư ngày càng cởi mở. Việt

Nam còn là một thành viên tích cực của ASEAN, có vai trò quan trọng trong tổ chức này, có thể làm cầu nối cho Pháp trong việc tăng cường các mối quan hệ, mở rộng thị trường của Pháp ở khu vực Đông Nam Á nói riêng và châu Á nói chung.

Lợi thế và sức hấp dẫn của mối quan hệ Việt - Pháp đã được tóm gọn trong phát biểu của Đại sứ Pháp tại Việt Nam, Jean Nougareda, năm 2004: “Chính sách Việt Nam (của Pháp) được suy tính trên quy mô khu vực. Chính sách này mang lại lợi ích cho cả hai nước, Pháp có thể giúp Việt Nam phát triển và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với châu Âu. Để đáp lại, Việt Nam giúp Pháp có lại chỗ đứng trong khu vực châu Á. Đó là một bàn đạp cho sự trở lại châu Á của Pháp.”¹

Quan hệ Việt – Pháp đã diễn ra từ rất sớm. Ngay từ thế kỉ XVI – XVII, những nhà truyền giáo Pháp đã đến Việt Nam mang theo một tôn giáo mới vào Việt Nam. Một bộ phận dân chúng Việt Nam đã đón nhận và tin theo những gì họ mang đến. Tuy nhiên Hiệp ước Versailles năm 1787 đã không làm cho mối quan hệ Việt - Pháp gần gũi và thân thiện hơn, trái lại nó là mầm mống cho một ý đồ xâm lược và làm cho nhân dân Việt Nam phải mất gần một trăm năm chống lại ách đô hộ của thực dân Pháp. Năm 1958, Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam tại Đà Nẵng, mở đầu cho quá trình xâm chiếm Việt Nam. Sau rất nhiều khó khăn, đến năm 1884, Pháp mới cơ bản xâm chiếm xong Việt Nam về lãnh thổ. Pháp đã biện minh cho sự có mặt ở Việt Nam như là người mang “sứ mệnh khai hóa”, nhưng thực chất Đông Dương chỉ như là “một bông hoa đẹp nhất” trong các thuộc địa của Pháp, là nơi cung cấp nhân tài vật lực cho nước Pháp.

Từ giữa thế kỉ XIX cho đến năm 1954, Xứ Đông Dương thuộc Pháp trong đó có Việt Nam chỉ là một vùng đất gồm năm xứ: Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ và Ai Lao, Cao Miên. Mối liên hệ duy nhất giữa hai nước chỉ đơn thuần là mối quan hệ giữa một kẻ đi xâm lược với nhân dân một dân tộc đang ngày đêm không ngừng đứng lên chống lại kẻ xâm lược. Sức mạnh của lòng yêu nước đã đưa nhân dân Việt Nam hai lần quật khởi giành độc lập, tự do từ tay thực dân Pháp. Đó là Cách mạng tháng Tám 1945 và Chiến thắng Điện Biên Phủ buộc Pháp phải kí Hiệp định Geneve chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

¹ Dẫn lại theo Trần Vũ Phương, Quan hệ Việt - Pháp trong những năm gần đây, Nghiên cứu Châu Âu, số 1, trang 51.

Sau Hiệp định Geneve, mặc dù chiến tranh Việt -Pháp đã kết thúc nhưng quan hệ giữa hai nước cũng không mấy tốt đẹp do những mối quan hệ đồng minh chông chéo phức tạp của thời kì Chiến tranh lạnh và Cuộc chiến tranh Việt Nam do Mỹ tiến hành.

Tuy nhiên, trong thời gian diễn ra cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam, Cộng hòa Pháp, bằng kinh nghiệm từng trải của mình đã không ít lần cảnh báo đế quốc Mỹ về một thất bại không thể tránh khỏi ở Việt Nam. Pháp đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức Hội nghị Pari về Việt Nam. Sau khi Hiệp định Pari được kí kết, nhất là sau khi Việt Nam thống nhất, Pháp đã nhanh chóng ý thức được vai trò của Việt Nam đối với việc thâm nhập vào châu Á của mình.

Kể từ đây quan hệ Việt - Pháp đã bước sang một trang mới, hai nước chính thức đặt quan hệ ngoại giao vào ngày 12/04/1973. Trong bối cảnh quốc tế và khu vực lúc bấy giờ, khi mà cuộc chiến tranh lạnh và trật tự hai cực Ianta chưa kết thúc, việc nối lại quan hệ Việt - Pháp thể hiện sự nỗ lực rất cao của hai nhà nước. Đây là sự kiện có ý nghĩa rất quan trọng, mở ra một bước ngoặt mới, như là một điều kiện tiên quyết để quan hệ giữa hai nước được khai thông và phát triển.

Mặc dù trong quá khứ quan hệ giữa hai nước có những thăng trầm, có lúc là kẻ thù của nhau, nhưng hai nước đã cùng vượt qua những mặc cảm trong quá khứ để đưa quan hệ hai nước ngày càng nồng ấm lên bằng việc tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau. Tuy khác nhau về trình độ phát triển, và cũng gặp không ít những rào cản nhưng từ sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao, xuất phát từ lợi ích của chính mình, mối quan hệ giữa hai nước đã có những bước tiến triển tốt đẹp. Quan hệ Việt - Pháp không chỉ dừng lại trong mối quan hệ song phương mà còn diễn ra trong khuôn khổ của các mối quan hệ đa phương thông qua các tổ chức và diễn đàn khu vực, thế giới như EU, ASEAN, APEC...

Giai đoạn từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1973 đến trước năm 1991, do bị chi phối bởi tình hình thế giới và khu vực trong bối cảnh của cuộc Chiến tranh lạnh và trật tự hai cực Ianta nên quan hệ hai nước không tránh khỏi những hạn chế. Mặc dù vậy, với nỗ lực của cả hai phía, quan hệ hợp tác Việt Nam - Cộng hòa Pháp cũng đã có những khởi đầu tốt đẹp trên tất cả các lĩnh vực. Với các chuyến thăm ngoại giao của Thủ tướng Phạm Văn Đồng (4-1977), của Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch (4-1982), của đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam do chủ tịch

Nguyễn Hữu Thọ dẫn đầu (4-1984) từ phía Việt Nam và của Bộ trưởng ngoại giao Pháp, De Guiringard (9-1978), của Thứ trưởng ngoại giao Stirg (7-1979)...từ phía Pháp, hai bên đã tăng cường hiểu biết lẫn nhau, mở ra những cơ hội hợp tác mới.

Trong lĩnh vực kinh tế, tiếp theo các nghị định thư tài chính mà Pháp đã kí với Việt Nam các năm 1973, 1974, 1975, 1976... với giá trị hàng trăm triệu Franc, các Hiệp định vận chuyển hàng không (14/4/1977), Hiệp định hàng hải (7/9/1978), các Hiệp định khung về “hợp tác kinh tế và công nghiệp”, “hợp tác văn hóa, khoa học kỹ thuật”, đồng thời Ủy ban hỗn hợp nhằm thúc đẩy sự hợp tác do hai Bộ trưởng ngoại giao làm chủ tịch cũng được thành lập... Trong khoảng hơn mười năm đầu kể từ sau khi chiến tranh kết thúc, mặc dù số lượng chưa lớn nhưng Việt Nam đã xuất khẩu thường xuyên sang Pháp với nhiều mặt hàng như than, các sản phẩm nông nghiệp và thủ công nghiệp... Từ năm 1988 đến năm 1990, Pháp luôn là nước đứng đầu trong lĩnh vực đầu tư vào Việt Nam với số vốn lên tới 53 triệu USD.

Từ sau năm 1991, khi Chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô tan rã, trật tự hai cực Ianta sụp đổ đã tác động mạnh mẽ đến đến toàn bộ cục diện thế giới. Sự biến động sâu sắc của tình hình thế giới vừa tạo ra những vận hội mới và cũng vừa là những thách thức mới cho các dân tộc trong đó có Việt Nam và Pháp. Trên trường quốc tế các cường quốc và các lực lượng đang tiến hành một cuộc chạy đua để xác lập vị trí của mình trong việc tham gia giải quyết những vấn đề quốc tế. Xu hướng xác lập thế giới đa cực đang hình thành và trở nên một xu thế hiện nay trên thế giới. Các nước và các lực lượng chính trị quốc tế đều phải điều chỉnh lại chiến lược đối nội, đối ngoại cho phù hợp. Lợi ích quốc gia dân tộc được đặt lên hàng đầu trong các mối quan hệ quốc tế thay cho việc liên kết theo ý thức hệ trước đây. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, cuộc chạy đua ưu tiên phát triển kinh tế trở thành một cuộc chạy đua gay gắt nhất. Toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, buộc các nước phải hợp tác chặt chẽ với nhau. Người ta đã ví toàn cầu hóa như là “ một trận đấu, ai thông minh sáng suốt thì được nhiều hơn mất; ai dại khờ sơ hở thì mất nhiều hơn được, nhưng hầu như không thể được hết hoặc mất hết. Chỉ có một tình huống chắc chắn mất hết đó là mình thu lại, đóng cửa, cự tuyệt toàn cầu hóa, khước từ hội nhập”². Các nước, nhất là những nước đang phát triển, làm sao để tồn tại và đi lên, không bị tụt hậu và bị đẩy ra ngoài vòng chơi lớn. Trong cuộc đua này không ai có

² Ngô Văn Diễm, Toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, NXB Chính trị QG, HN, 2004.

thể đứng một mình mà có thể phát triển. Hợp tác quốc tế vì vậy trở thành vấn đề sống còn của các quốc gia.

Những biến động của hoàn cảnh quốc tế và khu vực đã tác động mạnh mẽ đến tình hình Việt Nam và Cộng hòa Pháp. Việt Nam đã trải qua một thời kì đổi mới, với những thành tựu bước đầu, nhưng về cơ bản chúng ta vẫn chưa thoát khỏi một nước nghèo, cơ sở vật chất còn lạc hậu, trình độ khoa học công nghệ chuyển biến chậm, hiệu quả hoạt động kinh tế còn thấp. Nhận thức sâu sắc những biến động của tình hình thế giới và trong nước, ngay từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991), Đảng ta đã đề ra chính sách đối ngoại rộng mở, tăng cường hội nhập theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ kinh tế với phương châm: “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trên thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.”³

Cũng trong thời gian này, để thích ứng với tình hình mới, đồng thời tăng cường ảnh hưởng của mình tới các khu vực trên thế giới, Pháp đã chủ trương xây dựng một chính sách ngoại giao mang tính chất toàn cầu. Ngoài châu Âu là ưu tiên số một, thì trong chính sách của Pháp, châu Á cũng được coi trọng đặc biệt. Điều này được thể hiện trong việc hoạch định chính sách châu Á mới của Pháp vào năm 1994. Pháp là một trong những nước có mặt rất sớm ở châu Á, nhưng đã bỏ lỡ nhiều cơ hội do khả năng có hạn và thiếu những chính sách nhất quán. Sau thất bại ở chiến tranh Đông Dương, vai trò của Pháp trở nên mờ nhạt ở khu vực này. Tuy nhiên sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, những nền kinh tế năng động ở khu vực này tiếp tục phát triển mạnh, cục diện chính trị ở Châu Á cũng thay đổi mạnh mẽ, Pháp thấy rõ những lợi ích của mình ở khu vực này, do đó đã nhanh chóng điều chỉnh lại chính sách. Hơn nữa trong những năm chín mươi, sau một thời gian dài phát triển khá ổn định và vững chắc, nền kinh tế Pháp có nhiều biểu hiện của quá trình suy thoái song trùng, vừa mang tính chu kì vừa mang tính cơ cấu. Thị trường nội địa vì thế cũng kém sôi động. Trên thị trường thế giới, hàng hóa Pháp không đủ sức cạnh tranh trước các đối thủ. Con suy thoái từ đầu những năm chín mươi làm cho tăng trưởng của Pháp tụt xuống mức thấp nhất kể từ giữa những năm bảy mươi. Trong bối cảnh trên, Pháp đã thay đổi chiến lược và địa bàn đầu tư kinh tế ra các

³ Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, NXB Chính trị Quốc gia, HN, 1991.

nước phát triển, trong đó có chính sách “đa dạng ở châu Á”. Pháp mong muốn tìm kiếm một thị trường ổn định ngoài châu Âu, hướng tới một thị trường đầy tiềm năng và quen thuộc là châu Á.

Sự gặp gỡ giữa hai đường lối của hai nhà nước xuất phát từ nhu cầu và lợi ích của chính bản thân mỗi nước đã góp phần thúc đẩy quan hệ song phương trên mọi mặt lên một tầm cao mới.

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc và trật tự hai cực Ianta sụp đổ, giai đoạn từ năm 1991 đến nay, quan hệ Việt – Pháp đã thu được những thành tựu to lớn.

Trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao:

Điều đặc biệt là ngay trong thời kì Mỹ đang thực hiện chính sách cấm vận đối với Việt Nam, các chuyến thăm cấp cao của chính phủ hai nước vẫn thường xuyên diễn ra. Ngoài các chuyến viếng thăm ở cấp bộ trưởng, các chuyến thăm lẫn nhau của Tổng thống Pháp, Francois Mitterand (2-1993), của Thị trưởng Paris, Chủ tịch Đảng Cộng hòa (RPR) Jacques Chirac (1-1994); của thủ tướng Võ Văn Kiệt (6-1993), Chủ tịch Quốc hội Việt Nam Nông Đức Mạnh (10-1993), Chủ tịch Lê Đức Anh (5-1995)... và đáng lưu ý là chuyến thăm nhân dịp Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị thượng đỉnh lần thứ VII các nước nói tiếng Pháp của Tổng thống Jacques Chirac đã đánh dấu sự hợp tác “chắc chắn và chân thành”, khẳng định vị thế của Việt Nam trong mối quan hệ hợp tác song phương, cùng có lợi với Cộng hòa Pháp. Sau đó, chuyến thăm chính thức của Tổng bí thư Nông Đức Mạnh ngày 06/06/2005, thiết lập khuôn khổ quan hệ Việt – Pháp là “*hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, lâu dài, tin cậy trong thế kỷ 21*”. Sự kiện này đánh dấu một cột mốc đáng ghi nhận trong quan hệ chính trị, ngoại giao Việt – Pháp.

Trong lĩnh vực kinh tế - thương mại:

Nếu như trao đổi mậu dịch song phương giữa Việt Nam và Pháp năm 1991 chỉ 800 triệu Franc thì đến năm sau đã tăng lên gấp đôi, và đến năm 1999 tổng giá trị trao đổi mậu dịch lên đến 5 tỷ Franc. Trong giai đoạn này, Pháp đã xuất sang Việt Nam các mặt hàng công nghiệp như thiết bị viễn thông, hàng không..., còn Việt Nam xuất sang pháp chủ yếu là các sản phẩm nông nghiệp, các sản phẩm vải sợi và thủ công mỹ nghệ. Tuy nhiên trong giai đoạn này, cán cân thương mại còn nghiêng về phía Pháp.

Do thành tựu của công cuộc đổi mới và thành công của nền kinh tế mở, từ 1997, Việt Nam đã đạt được mức xuất siêu sang Pháp. Tính đến cuối năm 2005, tổng kim ngạch buôn bán 2 chiều đạt 1.586 tỷ USD so với 753 triệu USD năm 1997. Trong cơ cấu xuất nhập khẩu thì hàng nhập của Việt Nam chủ yếu là máy móc, thiết bị, dược phẩm, các sản phẩm có giá trị cao, còn hàng xuất khẩu chủ yếu là hàng tiêu dùng chất lượng cao như giày dép, hàng may mặc, thực phẩm đông lạnh... Trong giai đoạn gần đây, khả năng cạnh tranh của Việt Nam ở các mặt hàng truyền thống này đang gặp phải khó khăn hơn trước do cạnh tranh của các nước khác như Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ... về mặt bằng giá cũng như khoảng cách địa lí. Việc hạn ngạch dệt may cũng như các quota nhập khẩu được bãi bỏ hoàn toàn giữa các nước thành viên WTO cũng tạo ra cơ hội cũng như thách thức to lớn cho xuất khẩu Việt Nam khi Việt Nam xuất hàng sang thị trường Pháp.

Ngoài những hoạt động thương mại song phương giữa hai nước, Pháp còn tích cực ủng hộ Việt Nam gia nhập WTO, kí kết hiệp định hợp tác với Liên minh châu Âu, kí kết các Hiệp định khung về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật, hợp tác hàng không... Sự ủng hộ này là cơ sở cho triển vọng hợp tác kinh tế bền chặt hơn nữa về kinh tế giữa Việt Nam và Pháp nói riêng cũng như Việt Nam và EU nói chung trong tương lai.

Trong lĩnh vực đầu tư:

Nguồn vốn đầu tư từ Pháp vào Việt Nam rất đa dạng, từ đầu tư trực tiếp (FDI) dưới hình thức các công ty liên doanh (trên 50% số dự án); xây dựng – vận hành – chuyển giao (BOT) (gần 30% số dự án) và hình thức công ty 100% vốn nước ngoài.

Các lĩnh vực đầu tư của Pháp vào Việt Nam tập trung trong các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, du lịch, dịch vụ... Nếu như năm 1991 chỉ mới chỉ có 5/9 dự án được cấp phép, thì năm sau số dự án được cấp phép đã tăng lên 11/13 với số vốn là 26,271 triệu USD. Đến năm 2003, số dự án đầu tư của Pháp lên tới 182 dự án, với số vốn là 2,104 tỷ USD. Và đến năm 2005, Pháp là nước đứng thứ 6 trong tổng số 66 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Tính đến hết năm 2006, số dự án đầu tư của Pháp đã lên tới 512 dự án, trong đó có 178 dự án đang hoạt động với số vốn lên đến 2,2 tỷ USD, chiếm 4% trong tổng số FDI của Việt Nam.

Tuy nhiên đầu tư của Pháp mới chỉ tập trung vào các thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu. Quy mô các dự án còn nhỏ và chủ

yếu là các dự án dưới 5 triệu USD. Pháp đầu tư tập trung vào các ngành giao thông vận tải, bưu điện, dịch vụ, chưa phát triển được các ngành công nghệ mũi nhọn và kỹ thuật cao. Về hình thức đầu tư, nguồn FDI của Pháp được thực hiện chủ yếu dưới hình thức công ty liên doanh (chiếm trên 50% tổng số dự án). Đây là hình thức hai bên cùng góp vốn theo một tỷ lệ nhất định để thành lập một công ty liên doanh nhằm hạ giá thành sản phẩm nhờ sự kết hợp tiềm lực mạnh củ Pháp về vốn, kỹ thuật và công nghệ của Pháp với nguồn nhân công giá rẻ của Việt Nam. Hơn nữa, những rườm rà về thủ tục hành chính, chi phí cao, khả năng luân chuyển vốn thấp cũng là trở lực không nhỏ cho các nhà đầu tư Pháp muốn kinh doanh tại Việt Nam.

Ngoài đầu tư trực tiếp và gián tiếp, Pháp còn tích cực thực hiện chính sách viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam, tổ chức Hội nghị các bên viện trợ cho Việt Nam, cho Việt Nam vay với lãi suất ưu đãi... Đến năm 2003, Pháp đã tăng viện trợ phát triển cho Việt Nam từ 84,4 triệu euro năm 2002 lên 334 triệu euro. Việt Nam là một trong số ít nước được hưởng cả 3 kênh tài trợ tài chính của Pháp: Nghị định thư tài chính, Tổ chức phát triển Pháp, Quỹ hợp tác ưu tiên (FSP) và Quỹ trợ giúp đặc biệt doanh nghiệp (FASEP).

Trong lĩnh vực văn hóa – giáo dục:

Thông qua các cuộc họp hai năm một lần của Ủy ban hỗn hợp về hợp tác văn hóa khoa học kỹ thuật Việt Pháp mà hợp tác trong lĩnh vực này ngày càng phát triển. Ngay từ năm 1992, ngân sách dành cho giáo dục của Pháp tại Việt Nam là 50 triệu Franc, tăng lên 74,6 triệu Franc vào năm 1994, và 72 triệu Franc vào năm 1996. Đầu tư cho giáo dục ở Việt Nam của Pháp là lớn nhất so với các nước châu Á khác. Số sinh viên Việt Nam được nhận học bổng cũng như sang Pháp du học ngày càng nhiều. Mỗi năm từ 400 đến 600 người Việt Nam nhận được học bổng, nhất là ngành y. Tại Việt Nam, Pháp tập trung vào việc giảng dạy ngôn ngữ, cải cách hành chính, xây dựng luật pháp, tài chính ngân hàng... Trung tâm trao đổi văn hoá với Pháp (IDECAP) là một minh chứng cho nỗ lực phát triển đào tạo, trao đổi văn hoá Pháp tại Việt Nam.

Bên cạnh hợp tác giáo dục, giao lưu văn hoá nghệ thuật Việt – Pháp cũng ngày càng phong phú, đa dạng. Pháp là đối tác quan trọng trong việc tổ chức các Festival – Liên hoan nghệ thuật Huế (2 năm 1 lần, từ năm 2000), tổ chức triển lãm Việt Nam Expo tại Paris (2005), tuần lễ phim Pháp tại Hà Nội, triển lãm văn hoá Chăm tại

Paris... Việt Nam là nước được chọn đăng cai tổ chức Hội nghị thượng đỉnh các nước nói tiếng Pháp. Hoạt động hợp tác văn hoá, giáo dục được tăng cường trên cơ sở trao đổi và chuyển giao tri thức. Điều này thể hiện sự tôn trọng, hợp tác hoà bình, hữu nghị, là cầu nối cho hai nền văn hoá giàu truyền thống, đậm bản sắc dân tộc.

Trong lĩnh vực hành chính, Pháp là một đối tác hỗ trợ Việt Nam rất tích cực. trong vòng 10 năm trở lại đây, hàng trăm sinh viên Việt nam đã sang Pháp học các trường Hành chính quốc gia và Học viện quốc tế về hành chính công...Pháp cũng tiếp tục tài trợ cho Việt Nam trong chương trình quốc gia về đào tạo cán bộ, đào tạo cán bộ ngoại giao, cảnh sát và các khóa đào tạo chuyên môn khác.

Như vậy, xuất phát từ lợi ích của mỗi quốc gia trong bối cảnh quốc tế mới, xu thế toàn cầu hóa, quan hệ Việt – Pháp đã chuyển từ sự thiếu hiểu biết, căng thẳng sang đối thoại, hợp tác. Đây là mối quan hệ giữa hai quốc gia có ý thức hệ, chế độ chính trị cũng như trình độ phát triển khác nhau, nhưng hai bên đã biết vượt qua những trở lực, rút ngắn khoảng cách để xích lại gần nhau. Khi nhìn nhận, tổng kết mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Cộng hòa Pháp, cả hai bên đều đánh giá cao những lợi ích mà quan hệ hợp tác mang lại, và mong muốn thắt chặt hơn nữa mối quan hệ với tiêu chí là hai bên cùng có lợi.

Bài học kinh nghiệm rút ra trong hơn 20 năm hai nước chính thức đặt quan hệ ngoại giao là phải luôn phát huy cao độ độc lập, tự cường trong quan hệ chính trị, thường xuyên đổi mới tư duy đối ngoại, linh hoạt, uyển chuyển phù hợp với tình hình cụ thể. Nghiên cứu và dự báo tình hình đối tác một cách nhạy bén, chủ động tìm khâu đột phá trong quan hệ để đem lại lợi ích thiết thân nhất cho sự phát triển đất nước.

Tuy nhiên, trong bối cảnh mới của tình hình thế giới và mỗi nước, quan hệ Việt - Pháp đang đứng trước không ít cơ hội và thách thức mà chính phủ và nhân dân hai nước phải vượt qua.

Về cơ hội, trước hết, Việt Nam đang từng bước khẳng định nền kinh tế của mình là một nền kinh tế đang lên ở châu Á, đang từng bước có ảnh hưởng quan trọng trong khu vực và thế giới. Với một chế độ chính trị ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và một thị trường rộng lớn với hơn 80 triệu dân cùng với chính sách kinh tế mở, khuyến khích đầu tư..., Việt Nam đang trở thành cầu nối, là cửa ngõ giữa các nước phương Tây với các nền kinh tế khu vực ASEAN và châu Á.

Trong những năm gần đây, Việt Nam liên tiếp đạt được những thành tựu quan trọng trong ngoại giao cũng như hợp tác quốc tế như gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), là ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên Hiệp Quốc... các chuyến thăm của các nguyên thủ quốc gia đến Việt Nam như tổng thống Nga Putin, tổng thống Mỹ Bill Clinton, Gorge Bush... càng khẳng định thêm vai trò của Việt Nam trong những vấn đề kinh tế, chính trị toàn cầu.

Việc Việt Nam gia nhập WTO tạo thuận lợi cho Việt Nam khi tham gia một sân chơi lớn. Quy tắc hành xử WTO với hệ thống pháp luật rõ ràng, thông lệ quốc tế sẽ giúp các doanh nghiệp Việt Nam được đối xử công bằng hơn, minh bạch hơn trong quan hệ kinh tế với Pháp nói riêng và với EU nói chung.

Ngoài ra, với lợi thế về nguồn nhân lực giá rẻ, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư của Việt Nam cùng với thế mạnh về vốn, công nghệ, khoa học kỹ thuật từ Pháp, một nước phát triển sẽ giúp các doanh nghiệp Việt Nam và Pháp xích lại gần nhau hơn, cùng hợp tác đôi bên cùng có lợi.

Về thách thức, sự khác biệt giữa hai nước về ý thức hệ, chế độ chính trị và trình độ phát triển cũng đang là một thách thức trong quan hệ giữa hai nước. Pháp cũng như các nước phương Tây thường hay có những áp đặt những giá trị châu Âu vào các mối quan hệ, nhiều khi gây nên một rào cản không đáng có.

Chúng ta cũng đang đứng trước sức ép cạnh tranh về thương mại. Nếu chúng ta không chủ động thì việc thu hút vốn, công nghệ, và đầu tư nước ngoài vào các nước đang phát triển như Việt Nam nhiều khi gặp phải rất nhiều rủi ro. Sự tăng trưởng trong hiện tại nhờ quan hệ không cẩn thận sẽ phải trả giá bằng sự cạn kiệt tài nguyên, tàn phá môi trường và gánh nặng nợ nước ngoài trong tương lai. Chính vì vậy, chúng ta phải luôn cân nhắc khi lựa chọn các mục tiêu phát triển và hợp tác để đảm bảo sự phát triển bền vững, lâu dài cho tương lai đất nước.

Ngoài ra, sự hạn chế về công nghệ, trình độ nhân lực, trình độ quản lý, sự thông hiểu pháp luật quốc tế, các thủ tục hành chính còn rườm rà... là những trở ngại không thể khắc phục một sớm một chiều. Khi phải đối đầu với sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các nước đang phát triển, lợi thế về nhân lực giá rẻ và nguồn tài nguyên có giới hạn không còn là ưu thế riêng của Việt Nam, thì sức cạnh tranh sẽ là vấn đề mà chúng ta cần phải tính đến trong các mối quan hệ nói chung và quan hệ Việt – Pháp nói riêng.

Quan hệ hợp tác kinh tế còn chưa tương xứng với tiềm năng của hai nước, tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam vào Pháp chiếm phần nhỏ so với các nước khác do đây là một thị trường phát triển, có những quy định và tiêu chuẩn rất cao mà hàng hoá của Việt Nam chưa đáp ứng được. Ngược lại, đầu tư của Pháp vào Việt Nam trong thời gian gần đây chưa tương xứng với tiềm lực kinh tế của Pháp. Các doanh nghiệp cũng như chính phủ hai nước cần phải nỗ lực hết mình để phát huy tối đa hiệu quả của hợp tác kinh tế như nỗ lực cải tiến kỹ thuật, áp dụng tiêu chuẩn ISO, tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường châu Âu.

Để phát huy tối đa lợi ích mang lại từ quan hệ kinh tế Việt - Pháp, trong thời gian tới, thiết nghĩ, Việt Nam cần phải nỗ lực theo hướng các giải pháp sau:

Thứ nhất, thắt chặt hơn nữa tình đoàn kết hữu nghị, tranh thủ sự ủng hộ của Pháp đối với Việt Nam trên phạm vi quốc tế, thông qua các cuộc tiếp xúc, trao đổi cấp cao nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, tăng cường quan hệ chính trị, ngoại giao.

Thứ hai, trong lĩnh vực kinh tế, đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại. Nhà nước cần có quy hoạch, chính sách cụ thể để phát triển các mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Pháp theo tiêu chuẩn châu Âu như may mặc, giày dép, dệt may, thủy, hải sản... Về nhập khẩu, Việt Nam nên ưu tiên nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ tiên tiến, trang thiết bị phục vụ sản xuất hơn là nhập khẩu hàng tiêu dùng. Phát triển thêm nhiều trung tâm xúc tiến thương mại tại Pháp cũng như tại Việt Nam, tăng cường sự hỗ trợ của các đại sứ quán đối với doanh nghiệp và doanh nhân Việt Nam trong tìm kiếm đối tác, tổ chức nhiều hội chợ, xây dựng cơ sở dữ liệu và trung tâm thông tin doanh nghiệp hai nước.

Thứ ba, đẩy mạnh các nhóm giải pháp khuyến khích đầu tư, thu hút vốn đầu tư từ Pháp bằng cách đơn giản hoá thủ tục hành chính, cải thiện cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, có chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp, các dự án có công nghệ tiên tiến hiện đại, thân thiện với môi trường của Pháp. Cải thiện công tác tổ chức thực hiện các chương trình, dự án ODA từ Pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực phát triển hạ tầng, giao thông vận tải, văn hoá giáo dục y tế, cải cách hành chính, phát triển nguồn nhân lực.

Giải pháp cuối cùng là tăng cường cải cách hành chính, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng hệ thống pháp luật phù hợp với thông lệ quốc tế. Đẩy nhanh cải cách

hành chính, bãi bỏ các thủ tục rườm rà, tạo sự thông thoáng, hấp dẫn để thu hút đầu tư nước ngoài, chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ, đủ tâm và tầm đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế hội nhập.

Tóm lại, quan hệ Việt Nam – Cộng hòa Pháp là một mối quan hệ có bề dày lịch sử và trải qua nhiều thăng trầm. Mặc dù quan hệ Việt – Pháp là mối quan hệ giữa hai nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau, trình độ phát triển cũng khác nhau, lại ở cách xa nhau, nhưng do lợi ích của bản thân mỗi nước mối quan hệ đã được khai thông và thu được nhiều kết quả. Trong thời gian trước mắt, trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, hai nước tiếp tục vượt qua những trở ngại, thách thức để đưa mối quan hệ phát triển lên một tầm cao mới.

Ngô Minh Oanh.

Tóm tắt:

Tác giả trình bày một cách hệ thống và khái quát quan hệ Việt Nam – Cộng hoà Pháp qua các giai đoạn khác nhau. Từ những thăng trầm trong lịch sử, và những khác biệt về chế độ chính trị, ý thức hệ cũng như trình độ phát triển, hai nước đã vượt qua những rào cản, khai thông và đưa mối quan hệ Việt – Pháp ngày càng tốt đẹp. Xuất phát từ nhu cầu tự thân hai nước trong bối cảnh toàn cầu hóa, trong giai đoạn từ năm 1991 đến nay quan hệ Việt – Pháp đã có những thành tựu nổi bật. Trong lĩnh vực chính trị đã diễn ra những cuộc thăm của lãnh đạo cao hai nước nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, làm tiền đề cho các mối quan hệ khác. Trong quan hệ kinh tế, cán cân thương mại không ngừng tăng lên, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư, hai nước đã có những dự án hợp tác mang lại nhiều hiệu quả kinh tế. Trong lĩnh vực văn hoá giáo dục, hai nước đã tăng cường hợp tác trao đổi trong đào tạo nguồn nhân lực, trao đổi văn hóa, khoa học kĩ thuật.

Từ những thành tựu quan hệ trên các lĩnh vực, tác giả rút ra những đặc điểm của mối quan hệ Việt – Pháp, chỉ ra những cơ hội và thách thức, cũng như đề xuất những giải pháp nhằm thúc đẩy mối quan hệ Việt - Pháp ngày càng phát triển.

Summary:

The article systematically and generally describes the Vietnam – France relation through periods in history. In spite of many differences in politic, their ways of thinking and the level of development, both the two countries have overcome the difficulties, set up a brighter way for a better cooperation between each others.

Farewell the war, from 1991 until now, the relation between the two countries has got many achievements based on their own demands. In politics, the visiting of the high level leaders of Vietnam and France has set the base for other cooperation. In economics, the commerce balance has been growing with higher yield year by year. In investment, there were many effective projects that contributed a great part in Vietnam growing GDP. In additions, in diplomacy, education and culture, France

has helped Vietnam in training human resource, cultural exchanges and high technology transfers.

From the research results, the author figures out the characteristics of the relationship, the opportunities, the challenges of the Vietnam – France cooperation to promote the more effective relation in near future.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Ngoại giao: *Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999.
2. Bộ Ngoại giao, *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*. NXB Chính trị Quốc gia. HN, 1995, 443 trang.
3. Quỳnh Châu, Quan hệ thương mại và đầu tư Việt – Pháp, *Những vấn đề kinh tế thế giới*, 6 (62) 1999, tr. 69-71.
4. Nguyễn Quang Chiến, *Cộng hòa Pháp – bức tranh toàn cảnh*, NXB Chính trị Quốc gia, HN, 1997.
5. Nguyễn Quang Chiến, Chính sách đối ngoại của Pháp và quan hệ Pháp – Việt, *Thời báo Kinh tế Việt Nam* (16/7/1997), tr.2.
6. Nước Pháp có thể trở thành một bên hợp tác, một đầu cầu của Việt Nam tại châu Âu, *Phỏng vấn đại sứ Pháp tại Việt Nam*, *Tạp chí quan hệ quốc tế số 6* (4-1990).
7. Đại sứ quán Pháp, *Hợp tác Việt – Pháp con số và sự kiện*, Hà Nội, 2002, các quyển 2,4,8,9.
8. Nguyễn Thị Quế, Chính sách đối ngoại của Cộng hòa Pháp trong giai đoạn sau chiến tranh lạnh, *Nghiên cứu Châu Âu*, 4 (70) 2006, tr. 8-18.
9. Thông tấn xã Việt Nam, Các báo Pháp viết về Việt Nam, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, (261), 1993, tr.2.
10. Thông tấn xã Việt Nam, Quan hệ Pháp – Việt, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, (259), 1994, tr.4-7.
11. Các báo và tạp chí: *Tạp chí nghiên cứu lịch sử, Nghiên cứu Quốc tế, Báo Nhân dân, Sài Gòn giải phóng và các loại báo và tạp chí khác...*
12. Các Website: - <http://www.investinfrance.org>
- <http://www.ambafrance-vn.org>
- <http://www.consulfrance-hcm.org>

Địa chỉ liên lạc: PGS.TS Ngô Minh Oanh - Khoa Lịch sử

Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh,
280 – An Dương Vương - Quận 5 – thành phố Hồ Chí Minh.

ĐTDD : 0903.816.782, NR: 08.3991.1183,

Email : ngominhoanh@yahoo.com.vn